

Số: 1933/QĐ-BVTV-PB

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam

CỤC TRƯỞNG CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT

Căn cứ Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về quản lý phân bón;

Căn cứ Quyết định số 928/2017/QĐ-BNN-TCCB ngày 24 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Bảo vệ thực vật;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý phân bón,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 04 (bốn) phân bón lưu hành tại Việt Nam (*Danh sách kèm theo*) của tổ chức, cá nhân sau:

Tên tổ chức, cá nhân đăng ký: Công ty cổ phần đầu tư và phát triển khoa học công nghệ Miền Trung

Địa chỉ: Vườn thực nghiệm thuộc Trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, thôn Mỹ Hậu, xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0966719216

Mã số doanh nghiệp: 2900721382

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 02 năm 2019 đến ngày 24 tháng 02 năm 2024.

Điều 3. Tổ chức, cá nhân có tên tại Điều 1 và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: QLPB.

CỤC TRƯỞNG



Hoàng Trung

DANH SÁCH PHÂN BÓN CÔNG NHẬN LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN TRUNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1933/QĐ-BVTV-PB ngày 25 tháng 02 năm 2019 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật)



STT	Loại phân bón	Mã số phân bón	Thành phần, hàm lượng dinh dưỡng	Phương thức sử dụng(**)	Hướng dẫn sử dụng	Thời hạn sử dụng
1	Phân bón hữu cơ	LCASP 015	20752 Chất hữu cơ: 53%; Đạm tổng số (N _{ts}): 4%; Tỷ lệ C/N: 6,25; Độ ẩm: 30%; pH _{H₂O} : 5.	Bón rải (b.v)	1. Cây công nghiệp ngắn ngày: bón lót 1.600-2.200 kg/ha. 2. Cây công nghiệp dài ngày: 3.800-4.800 kg/ha/lần. Bón 2 lần/năm vào đầu và cuối mùa mưa. 3. Cây ăn trái: 3.800-4.800 kg/ha/lần hoặc 3,8-4,8 kg/gốc, bón sau khi thu hoạch. 4. Cây rau: bón lót 1.600-2.200 kg/ha. 5. Cây lương thực: bón lót 1.000-1.300 kg/ha.	24 tháng kể từ ngày sản xuất
2	Phân bón hữu cơ	LCASP 010	20753 Chất hữu cơ: 48%; Đạm tổng số (N _{ts}): 3,2%; Tỷ lệ C/N: 6,8; Độ ẩm: 30%; pH _{H₂O} : 5.	Bón rải (b.v)	1. Cây công nghiệp ngắn ngày: bón lót 1.600- 1.900 kg/ha. 2. Cây công nghiệp dài ngày: 3.500-4.500 kg/ha/lần. Bón 2 lần/năm vào đầu và cuối mùa mưa. 3. Cây ăn trái: 3.500-4.500 kg/ha/lần bón 2 lần/năm, bón trước khi ra hoa và sau khi thu hoạch. 4. Cây rau: bón từ 1.600-1.900 kg /ha. Bón 2 lần/vụ, sau khi trồng 10 và 25 ngày. 5. Cây lương thực: bón lót 1.100-1.300 kg/ha.	24 tháng kể từ ngày sản xuất
3	Phân bón hữu cơ	LCASP 005	20754 Chất hữu cơ: 45%; Đạm tổng số (N _{ts}): 3%; Tỷ lệ C/N: 8; Độ ẩm: 30%; pH _{H₂O} : 5.	Bón rải (b.v)	1. Cây công nghiệp ngắn ngày: bón lót 1.500-2.000 kg/ha. 2. Cây công nghiệp dài ngày: bón lót 3.000- 4.500 kg/ha. 3. Cây ăn trái: 3.000-4.500 kg/ha/lần, bón 2 lần/năm vào giai đoạn trước khi ra hoa và sau khi thu hoạch. 3. Cây rau: bón lót 1.500-2.000 kg/ha. 4. Cây lương thực: bón lót 1.000-1.200 kg/ha.	24 tháng kể từ ngày sản xuất



4	Phân bón hữu cơ	LCASP 001	20755	Chất hữu cơ: 35%; Đạm tổng số (N _t): 2,5%; Tỷ lệ C/N: 6,6; Độ ẩm: 30%; pH _{H₂O} : 5.	Bón rải ^(b,v)	1. Cây công nghiệp ngắn ngày: bón lót 1.500- 2.000 kg/ha. 2. Cây công nghiệp dài ngày: 3.000-5.000 kg/ha/lần. Bón 2 lần/năm vào đầu và cuối mùa mưa. 3. Cây ăn trái: 3.000-5.000 kg/ha/lần. Bón 2 lần/năm vào giai đoạn trước khi ra hoa và sau khi thu hoạch. 4. Cây rau: bón lót 1.500-2.000 kg/ha. 5. Cây lương thực: bón lót 1.000-1.300 kg/ha.	24 tháng kể từ ngày sản xuất
---	-----------------	-----------	-------	--	--------------------------	---	------------------------------

Ghi chú: (*) Mã số phân bón là số gồm năm chữ số thể hiện sau số Quyết định công nhận lưu hành trên bao bì, nhãn mác;

(**) Việt tấ dạng phân bón: ^(b) - dạng bột; ^(v) - dạng viên.

